TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngọc Sơn

Ông Phạm Văn Vũ

Thư ký phiên toà: Ông Lê Khánh Nguyên – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Phú Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 414/2020/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Trương Thị Bé T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 60/6 ấp KP, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn:*** Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 60/6 ấp KP, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Trần Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 15/2 ấp QH, xã HL, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Chị Lê Thị Dịu H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 116/4 ấp KP, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bến Tre.

(Chị Trương Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng T, chị Trần Thị H và chị Lê Thị Dịu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thị Bé T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng có trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/03/2012. Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau do tính tình không hợp nên tình cảm vợ chồng không còn.

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Chị đồng ý để con chung Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014 cho anh Thiện trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị thừa nhận ngày 16/8/2020 chị có vay của chị Lê Thị Dịu H số tiền 350.000.000 đồng, đến ngày 18/8/2020 vay tiếp số tiền 150.000.000 đồng. Tổng công là 500.000.000 đồng. Ngày 30/5/2020 chị có vay của chị Trần Thị H số tiền 580.000.000 đồng. Các khoản nợ vay của chị Hằng, chị Hiền là do chị tự vay để trả nợ vốn và đóng lãi cho người khác.

Hiện nay chị và anh Thiện đã thỏa thuận giải quyết phần nợ chung với chị Lê Thị Diệu Hiền và chị Trần Thị H xong, chị Hiền và chị Hằng đã rút yêu cầu khởi kiện nên yêu cầu không giải quyết. Hiện vợ chồng không còn nợ ai khác.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong quá tố tụng trình bày:

Về điều kiện thành hôn, đăng ký kết hôn, con chung như chị Trương Thị Bé T trình bày là đúng. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả với nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị Bé T.

- Về con chung: Anh yêu cầu trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014 anh không yêu cầu chị Thơ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Đối với số tiền 580.000.000 đồng mà Trương Thị Bé T tự vay của chị Trần Thị H và số tiền 500.000.000 đồng vay của chị Lê Thị Dịu H, khi vay tiền chị Thơ và chị Hằng và chị Hiền không cho anh biết, nên anh không có trách nhiệm phải cùng liên đới với chị Thơ.

Hiện tại anh và chị Thơ đã thỏa thuận giải quyết phần nợ chung với chị Lê Thị Diệu Hiền và chị Trần Thị H, chị Hiền và chị Hằng đã rút yêu cầu khởi kiện nên yêu cầu không giải quyết. Hiện vợ chồng không còn nợ ai khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Vào ngày 30/4/2020 chị có cho vợ chồng chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T vay số tiền 150.000.000 đồng có làm biên nhận, hai bên thỏa thuận trả lãi hàng tháng nhưng chưa trả lãi. Do tin tưởng nhau nên ngày 22/5/2020 chị có cho vay tiếp số tiền 50.000.000 đồng, ngày 01/5/2020 cho vay tiếp số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận trả lãi hàng tháng, nhưng chị Thơ, anh Thiện chưa thực hiện đóng lãi. Đến ngày 06/5/2020 cho vay tiếp số tiền 80.000.000 đồng. Tổng cộng 04 lần vay là 580.000.000 đồng hai bên thỏa thuận trong một tuần chị Thơ và anh Thiện phải trả vốn là 580.000.000 đồng và tiền lãi là 3%/ tháng nhưng chị Thơ, anh Thiện không thực hiện. Chị đã nhiều lần yêu cầu chị Thơ, anh Thiện trả tiền vay và lãi suất nhưng chị Thơ, anh Thiện không trả.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho tôi số tiền vốn vay là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày chị Thơ, anh Thiện vi phạm thỏa thuận là 01/6/2020 đến 01/9/2020 là 04 tháng với lãi suất 1%/tháng với số tiền lãi là 23.200.000 đồng. Tổng cộng 603.200.000 đồng (Sáu trăm lẽ ba triệu, hai trăm ngàn đồng).

Do phần nợ chung này chị Thơ và anh Thiện đã thỏa thuận xong, nên chị không còn tranh chấp. Chị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị Trương Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Dịu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nhưng quá trình tố tụng có trình bày:

Chị có cho chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T vay số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) cụ thể các ngày như sau:

- Ngày 16/8/2020 số tiền vay là 300.000.000 đồng ghi giao tiền chị Thơ có viết giấy mượn tiền, thỏa thuận lãi suất 6.000.000 đồng.

- Ngày 18/8/2020 số tiền vay là 150.000.000 đồng, chị Thơ có viết giấy mượn tiền.

- Ngày 14/9/2020 số tiền vay là 50.000.000 đồng có kèm theo phiếu chuyển khoản khoản số tiền trên.

Các lần vay tiền ngày 16/8/2020, ngày 18/8/2020 và ngày 14/9/2020 chị Thơ chưa đóng cho chị bất cứ khoản lãi nào.

Theo thỏa thuận hành tháng chị Thơ phải trả tiền lãi, nhưng tính từ ngày vay tiền đến nay chị Thơ không trả tiền lãi mà cố ý né trách việc trả tiền của tôi. Khi chị Thơ và anh Thiện mượn tiền nói là dùng để đáo nợ Ngân hàng và mua đất làm nhà và nhu cầu thiết yêu sinh hoạt thiết yếu của gia đình, nên khi chị giao tiền thì chị Thơ đại diện ký tên. Do đây là khoản nợ chung của vợ chồng chị Thơ, anh Thiện phát sinh

trong thời kỳ hôn nhân nên chị khởi kiện yêu cầu chị Thơ và anh Thiện phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Do phần nợ chung này chị Thơ và anh Thiện đã thỏa thuận xong, nên chị không còn tranh chấp. Chị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với chị Trương Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bé T, anh Nguyễn Hoàng T.

Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014. Chị Trương Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thiện không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H và chị Lê Thị Dịu H đã rút toàn bộ yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ toàn bộ yêu cầu của chị Hằng và chị Hiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Trương Thị Bé T thì vụ án có quan hệ pháp luật "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn anh Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại ấp Thạnh Hòa A (Khu phố 4), thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trương Thị Bé T, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H, chị Lê Thị Dịu H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Thạnh Phú, huyện Thạnh Phú được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/03/2012. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị Thơ và anh Thiện xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị Thơ yêu cầu ly hôn được anh Thiện đồng ý; Do đó, cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T là phù hợp.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014 hiện đang đi học và sống chung với anh Nguyễn Hoàng T, anh Thiện yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để con chung cho anh Thiện nuôi dưỡng là đúng quy định của pháp luật; chị Thơ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thiện không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

[5] Về nợ chung: Chị Trần Thị H và chị Lê Thị Dịu H đã có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập. Xét việc rút yêu cầu của chị Hằng, chị Hiền là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật và phù hợp theo qui định điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng: Chị Trương Thị Bé T không có yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Trương Thị Bé T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo qui định tại Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, 217, 218, 219 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bé T với

anh Nguyễn Hoàng T. Chị Trương Thị Bé T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

Ghi nhận việc chị Thơ và anh Thiện không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Hoàng T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trương Ngọc Như, sinh ngày 16/12/2014. Chị Trương Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Thiện không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung: Chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Trần Thị H về việc yêu cầu chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 580.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 23.200.000 đồng. Tổng cộng 603.200.000 đồng (Sáu trăm lẽ ba triệu, hai trăm ngàn đồng).

Đình chỉ yêu cầu độc lập của chị Lê Thị Dịu H về việc yêu cầu chị Trương Thị Bé T và anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

Chị Trần Thị H và chị Lê Thị Dịu H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình: chị Trương Thị Bé T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003154 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 14.060.000 đồng (Mười bốn triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng) cho chị Trần Thị H theo biên lai thu số 0003238 ngày 14/10/2020. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) cho chị Lê Thị Dịu H theo biên lai thu số 0003243 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre
- VKS nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THA DS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Văn Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Huỳnh Ngọc Sơn

Phạm Văn Vũ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Phương